

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III - NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP :

1- Hình thức sở hữu vốn :

Là Công ty cổ phần được thành lập, dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương mại - đầu tư tổng hợp Hóc Môn thành Công ty Cổ Phần Thương Mại Học Môn, theo Quyết định số 7508/QĐ-UB ngày 14/11/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000761 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001; Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 9 ngày 17 tháng 03 năm 2017 về tăng vốn điều lệ từ 105.000.000.000 đồng lên 110.000.000.000 đồng.

2- Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Xuất nhập khẩu - Xây dựng - Đầu tư

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;

- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;

- Kinh doanh cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;

- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải thực phẩm, tiêu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;

- Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, vật tư nguyên liệu, hàng hóa

- Dịch vụ xuất nhập khẩu;

- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;

- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;

- Vận tải xăng dầu đường bộ;

- Karaoke

- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;

- Kinh doanh bất động sản;

4- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6- Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng Công ty con : 01

Số lượng Công ty con được hợp nhất : 01

- Tên công ty : Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn

- Địa chỉ : Số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh

- Tỷ lệ góp vốn : 100%

- Tỷ lệ lợi ích : : 70% lợi nhuận sau thuế

Danh sách Công ty liên doanh, liên kết

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn
- Địa chỉ : 179, ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ góp vốn : 35,00 % - Tỷ lệ lợi ích : : Tương ứng với tỷ lệ vốn góp

7- Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Tập đoàn có 568 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 562 nhân viên)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo

- Chuẩn mực kế toán số 10 ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương Mại Hóc Môn cam kết Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Doanh nghiệp áp dụng đồng tiền ghi sổ kế toán là Đồng Việt Nam

2- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

3- Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: được ghi nhận theo giá gốc

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5- Nguyên tắc kế toán và các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

- Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

c) Đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con:

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh:

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết:

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi

số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

đ) Các phương pháp kế toán đối với giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6- Nguyên tắc ghi nhận kế toán nợ phải thu :

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013, cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

+ Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho :

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

8- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế

- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ :

+ Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

+ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Loại Tài sản	Thời hạn
Nhà cửa – vật kiến trúc	07 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc đánh giá

+ Bất động sản đầu tư là nhà lồng chợ, cơ sở hạ tầng, chi phí san lấp mặt bằng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

+ Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

+ Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

+ Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi/lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư :

Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng

+ Thời gian khấu hao hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư

Loại Bất động sản đầu tư	Thời hạn
Nhà lồng chợ + Hạ tầng kỹ thuật	25 năm
San lấp mặt bằng	50 năm
Chi phí đền bù	20 năm

9- Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10- Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

a) Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nay với tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp, đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được hoàn nhập lại, theo nguyên tắc:

- Nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm, thì số chênh lệch được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và ghi giảm chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

- Nếu tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhỏ hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm, thì số chênh lệch được ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và ghi tăng chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

b) Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

11- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm :

- Chi phí trả trước về thuê mặt bằng
- Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh
- Chi phí mua các loại bảo hiểm (Bảo hiểm cháy, nổ)
- Chi phí lắp đặt, sửa chữa
- Chi phí trả trước khác



12- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

14- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán và chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán
- Phương pháp ghi nhận : Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

16- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận theo nguyên tắc: khoản tiền mà người bán nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hóa và cung cấp dịch vụ (cho thuê các sạp kinh doanh), tài sản cho người mua sử dụng.

17- Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

18- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
 - + Vốn đầu tư của chủ sở hữu : là số vốn thực góp của chủ sở hữu
 - + Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở Các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ . Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.
 - + Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.
 - + Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của Kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của Kỳ trước;

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế : Theo điều lệ Công ty và theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

19- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau :

- + Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; Xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
- + Không còn giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu đã xác định tương đối chắc chắn
- + Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- + Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn ;

- Thu nhập khác tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán

20- Nguyên tắc các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt

03
CÔ
CÔ
HƯ
HỒ
HỒ

21- Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh nghiệp ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán, thận trọng. Các chi phí phát sinh đều hợp lý hợp lệ và được quy định tại Luật Thuế TNDN.

22- Nguyên tắc, phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

23- Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

24- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

25- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

26- Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty.

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp lý kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý diễn ra tại ngày trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn

*** Đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH QL&KD Chợ đầu mối NSTP Hóc Môn : áp dụng phương pháp giá gốc.

Công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát kể từ ngày thành lập công ty con. Hàng quý Công ty con nộp 70% lợi nhuận sau thuế về Công ty mẹ, được phản ánh trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ.

Việc phân phối lợi nhuận do Đại hội cổ đông Công ty mẹ quyết định. Ban Điều hành Công ty con do Hội đồng công ty mẹ bổ nhiệm

Công ty không đánh giá lại khoản đầu tư này cũng như lợi thế thương mại để xác định giá trị hợp lý

*** Đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Chế biến thực phẩm Hóc Môn (HFC) : áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

Hàng quý, căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của HFC, Công ty điều chỉnh tăng (giảm) khoản chi phí đầu tư theo tỷ lệ vốn góp;

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính : Đồng

01- Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1 Tiền mặt :	2.480.806.856	189.721.406
1.2 Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn :	4.861.381.361	9.736.450.333
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hóc Môn	253.556.281	5.409.465.343
+ Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Hóc Môn	3.525.858.056	3.642.067.634
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Q12	133.280.284	121.768.242
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bắc SG	1.843.810	127.609.374
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông- PGD Hóc Môn	1.011.218	73.201.754
+ Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	942.247.989	330.256.574
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc SG	3.583.723	4.943.037
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hóc Môn	0	27.138.375
Cộng	7.342.188.217	9.926.171.739

02- Các khoản tương đương tiền (TGNH kỳ hạn từ dưới 3 tháng)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN HM	10.500.000.000	17.500.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Hóc Môn	18.500.000.000	15.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bắc SG	0	3.042.166.667
Cộng	29.000.000.000	35.542.166.667

03- Các khoản đầu tư tài chính :

3.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu	5.062.970.269	4.501.684.269	561.286.000	4.467.087.549	3.988.426.749	478.660.800
1 Mã cổ phiếu HHS	402.538.850	375.268.850	27.270.000	295.077.900	218.397.900	76.680.000
2 Mã cổ phiếu DPM	503.784.500	455.004.500	48.780.000	503.784.500	447.004.500	56.780.000
3 Mã cổ phiếu HVG	478.172.800	380.372.800	97.800.000	278.332.500	264.292.500	14.040.000
4 Mã cổ phiếu HQC	213.726.800	195.006.800	18.720.000	670.604.400	410.324.400	260.280.000
5 Mã cổ phiếu HVN	285.035.900	252.995.900	32.040.000	0	0	0
6 Mã cổ phiếu DCL	45.840.150	44.100.150	1.740.000	0	0	0
7 Mã cổ phiếu TOP	152.301.600	152.301.600	0	0	0	0
8 Mã cổ phiếu VPH	17.488.275	17.488.275	0	0	0	0
9 Mã cổ phiếu SWC	540.339.250	399.009.250	141.330.000	0	0	0
10 Mã cổ phiếu TTH	26.450.400	23.699.400	2.751.000	0	0	0
11 Mã cổ phiếu TDC	234.150.700	234.150.700	0	0	0	0
12 Mã cổ phiếu CEO	407.490.500	404.010.500	3.480.000	0	0	0
13 Mã cổ phiếu LDG	26.444.976	26.444.976	0	0	0	0
14 Mã cổ phiếu PVD	263.585.728	263.585.728	0	0	0	0
15 Mã cổ phiếu DVN	201.001.050	190.801.050	10.200.000	0	0	0
16 Mã cổ phiếu HSG	168.252.000	168.252.000	0	0	0	0
17 Mã cổ phiếu VE9	121.984.500	81.004.500	40.980.000	0	0	0
18 Mã cổ phiếu CLG	58.587.750	57.997.750	590.000	0	0	0
19 Mã cổ phiếu HHG	77.620.000	74.000.000	3.620.000	0	0	0
20 Mã cổ phiếu HNG	64.055.640	64.055.640	0	0	0	0
21 Mã cổ phiếu SRC	42.063.000	42.000.000	63.000	0	0	0
22 Mã cổ phiếu TCM	84.726.900	81.000.900	3.726.000	0	0	0
23 Mã cổ phiếu PLX	64.096.000	63.100.000	996.000	0	0	0
24 Mã cổ phiếu KLF	583.233.000	456.033.000	127.200.000	0	0	0
25 Các mã cổ phiếu khác				2.719.288.249	2.648.407.449	70.880.800
- Các khoản đầu tư khác	0	0	0	0	0	0
- Lý do thay đổi	0	0	0	0	0	0
+ Về số lượng	0	0	0	0	0	0
+ Về giá trị	0	0	0	0	0	0

- Cơ sở giá trị hợp lý: Đánh giá theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết trên sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sàn giao dịch Upcom tại ngày 29 tháng 09 năm 2017.

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (TGNH có kỳ hạn trên 03 tháng)	123.800.000.000	123.800.000.000	131.800.000.000	131.800.000.000

3.2 Đầu tư tài chính dài hạn:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	40.715.343.346	0	40.715.343.346	41.342.658.898	0	41.342.658.898
- Đầu tư vào đơn vị khác (Công ty CP Bất Động sản Bến Thành Đức Khải)	878.238.342	(800.000.000)	78.238.342	878.238.342	(800.000.000)	78.238.342
Cộng	41.593.581.688	(800.000.000)	40.793.581.688	42.220.897.240	(800.000.000)	41.420.897.240

- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

Là khoản góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn với tỷ lệ 35,00%.

04- Phải thu khách hàng :

Số cuối kỳ

Số đầu năm

4.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn :

- Các khách hàng của khối văn phòng công ty	4.358.510.000	2.009.147.000
- Các khách hàng của CHXD bán lẻ	2.106.434.930	498.086.330
- Các khách hàng của chợ thịt, khu pha lóc, kho mát, kios	578.672.500	37.400.000
- Các khách hàng của Chợ đầu mối NSTP HM	689.060.235	10.824.000
- Các khách hàng khác	83.785.999	62.015.999
Cộng	7.816.463.664	2.617.473.329

4.2 Phải thu khách hàng dài hạn :

Số cuối kỳ

Số đầu năm

- Các khách hàng của Chợ thịt	788.808.182	0
Cộng	788.808.182	0

05- Phải thu khác

Số cuối kỳ

Số đầu năm

5.1 Phải thu ngắn hạn khác

- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng chưa đến hạn	5.681.271.923	1.445.701.870
- Các khách hàng khác	134.402.389	167.615.531
Cộng	5.815.674.312	1.613.317.401

06- Hàng tồn kho :

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	0	0	0	0
- Công cụ, dụng cụ :	0	0	0	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang :	0	0	0	0
- Hàng hóa	8.755.625.436	(45.051.429)	5.776.156.700	(45.051.429)
* Cộng	8.755.625.436	(45.051.429)	5.776.156.700	(45.051.429)
* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả	0	0	0	0
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ :	0	0	0	0

07- Tài sản dở dang dài hạn :

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
* Khu Dân cư Tân Xuân	2.034.610.841	1.881.536.329
* Dự án Khu Dân cư xã Xuân Thới Đông (*)	151.413.508.056	87.719.743.269
* Tầng 4 Dự án Trung tâm TM Học Môn	18.181.818.182	18.181.818.182
Cộng	171.629.937.079	107.783.097.780

(*) Ngày 16/5/2017 Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn và Công ty Cổ phần Lê Bảo Minh đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp 30/HĐ-HTC-LBM, theo nội dung hợp đồng Công ty Cổ phần Lê Bảo Minh đồng ý chuyển nhượng 100% phần vốn góp của mình tại Khu dân cư xã Xuân Thới Đông cho Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn với giá trị hợp đồng 107.976.000.000 đồng.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
* Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	174.159.545	49.586.817
Cộng	174.159.545	49.586.817
Cộng Tài sản dở dang dài hạn	171.804.096.624	107.832.684.597

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình :

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	17.251.484.611	9.082.827.357	2.613.904.758	165.839.811	29.114.056.537
- Mua trong kỳ	0	0	0	74.900.000	74.900.000
- Đầu tư.XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0
- Chuyển sang BĐS đầu tư	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán (*)	0	150.278.788	0	0	150.278.788
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	17.251.484.611	8.932.548.569	2.613.904.758	240.739.811	29.038.677.749
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.628.106.017	6.823.014.349	2.534.535.076	102.283.028	20.087.938.470
- Khấu hao trong kỳ	957.449.651	651.390.430	12.437.496	25.868.333	1.647.145.910
- Tăng khác	0	0	0	0	0
- Chuyển sang BĐS đầu tư	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	150.278.788	0	0	150.278.788
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	11.585.555.668	7.324.125.991	2.546.972.572	128.151.361	21.584.805.592
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	6.623.378.594	2.259.813.008	79.369.682	63.556.783	9.026.118.067
- Tại ngày cuối kỳ	5.665.928.943	1.608.422.578	66.932.186	112.588.450	7.453.872.157

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay : không

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : **9.382.973.404 đồng**

(*): Ngày 31/8/2017 Công ty tiến hành thanh lý 04 máy điều hòa tại Khu pha lóc C theo QĐ số 92/QĐ-HTC

09- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình :

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	16.210.028.034	0	0	0	16.210.028.034
- Mua trong kỳ	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	16.210.028.034	0	0	0	16.210.028.034
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.961.961.378	0	0	0	1.961.961.378
- Khấu hao trong kỳ	240.766.371	0	0	0	240.766.371
- Tăng khác	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	2.202.727.749	0	0	0	2.202.727.749
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	14.248.066.656	0	0	0	14.248.066.656
- Tại ngày cuối kỳ	14.007.300.285	0	0	0	14.007.300.285

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay : không có thế chấp

* Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 0 đồng

10- Tăng, giảm bất động sản đầu tư :

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	62.172.463.101	0	0	62.172.463.101
- Nhà lồng chợ rau	13.161.237.343		0	13.161.237.343
- Nhà lồng chợ thịt	7.512.905.862		0	7.512.905.862
- Kho mát	2.109.255.380		0	2.109.255.380
- Cơ sở hạ tầng	39.389.064.516		0	39.389.064.516
Giá trị hao mòn lũy kế	32.221.289.965	1.104.925.467	0	33.326.215.432
- Nhà lồng chợ rau	6.624.489.458	394.837.119	0	7.019.326.577
- Nhà lồng chợ thịt	2.754.732.156	225.387.180	0	2.980.119.336
- Kho mát	1.847.551.496	261.703.884	0	2.109.255.380
- Cơ sở hạ tầng	20.994.516.855	222.997.284	0	21.217.514.139
Giá trị còn lại	29.951.173.136	0	1.104.925.467	28.846.247.669
- Nhà lồng chợ rau	6.536.747.885	0	394.837.119	6.141.910.766
- Nhà lồng chợ thịt	4.758.173.706	0	225.387.180	4.532.786.526
- Kho mát	261.703.884	0	261.703.884	0
- Cơ sở hạ tầng	18.394.547.661	0	222.997.284	18.171.550.377

- UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành QĐ số 4942/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 về việc quyết toán dự án Chợ đầu mối phía Bắc Thành phố

- Trong đó nguồn vốn ngân sách cấp là: **29.626.768.849 đồng**

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : **2.597.278.781 đồng**

11- Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11.1 Ngắn hạn	638.463.555	491.354.502
- Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ	90.782.494	93.965.169
- Trang bị bảng quảng cáo	163.861.189	149.501.332
- Ốp inox tường Nhà lồng Chợ thịt	81.666.665	0
- Chi phí trả trước ngắn hạn chợ đầu mối	101.991.979	186.988.002
- Chi phí khác	200.161.228	60.899.999
11.2 Dài hạn	11.125.210.012	7.801.988.206
- Thuê mặt bằng - CHXD Số 03 Đông Thạnh	664.160.000	826.160.000
- Phí thuê diện tích đất - Trạm cung cấp nước sạch	4.655.945.575	4.728.821.248
- Thay mới tole nhà lồng, trải nhựa đường chợ ĐM-NSTP Hóc Môn	5.464.057.514	1.906.042.860
- In vé nhập chợ các loại	262.329.000	148.730.000
- Chi phí khác	78.717.923	192.234.098
Cộng chi phí trả trước	11.763.673.567	8.293.342.708

12- Phải trả người bán :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn :		
- Cty CP tư vấn TM DV Địa ốc Hoàng Quân	5.000.000.000	5.000.000.000
- Cty TNHH Huy Long	1.740.700.000	666.660.000
- Công ty TNHH TMDV Hiệp Quế	1.109.340.000	0
- Cty TNHH MTV Tổng Cty 28	935.680.000	0
- DNTN vận chuyển xăng dầu Trí Vỹ	182.180.000	140.850.000
- Cty TNHH XD CT GT Cường Lộc	380.605.825	0
- Cty Xăng dầu KVII - TNHH MTV	45.288.652	0
- Cty Môi trường Đô Thị TP.HCM	369.600.000	141.552.521
- Phải trả cho đối tượng khác	325.497.925	523.582.764
Cộng	10.088.892.402	6.472.645.285



13- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Đầu năm		Số phải nộp lũy kế từ đầu năm	Số đã nộp lũy kế từ đầu năm	Cuối kỳ	
	Dư nợ	Dư có			Dư nợ	Dư có
13.1 Phải nộp						
- Thuế giá trị gia tăng	0	1.038.966.852	9.531.383.406	9.636.729.944	0	933.620.314
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	356.639	4.237.761	4.300.698	0	293.702
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (Cty chợ)	0	1.294.201.691	4.245.648.953	3.904.869.177		1.634.981.467
- Thuế môn bài	0	0	21.000.000	21.000.000	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương - tiền công (Cty chợ)	0	26.595.809	434.828.950	456.748.078	0	4.676.681
- Thuế thu nhập cá nhân (từ đầu tư vốn)	0	0	344.117.239	201.341.739	0	142.775.500
- Thuế tài nguyên	0	6.674.275	40.458.450	43.395.175	0	3.737.550
- Tiền thuê đất - thuế nhà đất	0	0	3.971.968.402	2.716.924.906	0	1.255.043.496
- Nộp khác	0	0	0	0	0	0
CỘNG	0	2.366.795.266	18.593.643.161	16.985.309.717	0	3.975.128.710
13.2 Phải thu						
- Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương - tiền công (Cty CP)	0	39.476.185	1.393.309.119	1.472.796.274	40.010.970	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (Cty CP)	237.583.758	0	2.942.448.866	4.337.205.177	1.632.340.069	0
CỘNG	237.583.758	39.476.185	4.335.757.985	5.810.001.451	1.672.351.039	0
TỔNG CỘNG	237.583.758	2.406.271.451	22.929.401.146	22.795.311.168	1.672.351.039	3.975.128.710

14- Các khoản phải trả khác :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.1 Phải trả ngắn hạn khác	1.069.730.602	6.045.302.302
- Tài sản thừa chờ giải quyết	56.117.999	56.117.999
- Kinh phí công đoàn	15.218.052	15.218.052
- Tiền mua cổ phiếu ESOP	0	5.000.000.000
- Bảo hiểm xã hội	14.065.700	8.387.400
- Các khoản phải trả khác	984.328.851	965.578.851
14.2 Phải trả dài hạn khác	24.303.217.833	53.172.323.712
- Nhận ký quỹ, ký cược tiền cho thuê Kios	1.540.000.000	1.960.000.000
- Công ty Cổ phần Lê Bảo Minh	0	50.949.105.879
- Đặt cọc quyền mua sản phẩm (Khu nhà ở Xuân Thới Đông) (*)	22.500.000.000	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	263.217.833	263.217.833
Cộng	25.372.948.435	59.217.626.014

(*) Là khoản tiền nhận đặt cọc của các cá nhân đăng ký quyền mua sản phẩm khu nhà ở xã Xuân Thới Đông.

15- Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu năm
15.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	438.853.856	206.090.911
- Doanh thu chưa thực hiện - Chợ Thịt	14.000.000	14.000.000
- Doanh thu chưa thực hiện - Khu pha lóc	45.311.272	32.727.272
- Doanh thu chưa thực hiện - Kho mát	228.250.000	83.000.000
- Doanh thu chưa thực hiện - Hàm đất	6.818.184	5.454.547
- Doanh thu chưa thực hiện - Cho thuê Mặt bằng	144.474.400	70.909.092
15.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	103.203.819.841	98.743.906.913
- Doanh thu chưa thực hiện - Chợ Rau	58.354.420.118	59.555.989.418
- Doanh thu chưa thực hiện - Chợ Thịt	30.365.193.984	29.257.466.673
- Doanh thu chưa thực hiện - Kios	12.632.429.089	8.049.740.162
- Doanh thu chưa thực hiện - Cho thuê Căn-tin	1.851.776.650	1.880.710.660
Cộng doanh thu chưa thực hiện	103.642.673.697	98.949.997.824

16- Tài sản thuế TN hoãn lại và thuế TN hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
16.1- Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	0	0
16.2- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	256.937.331	131.474.220
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả	1%	1%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	256.937.331	131.474.220
Cộng	256.937.331	131.474.220

17- **Vốn chủ sở hữu :**

a- **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :**

Chi tiêu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	4	5
Số dư đầu năm trước	52.500.000.000	77.515.674.910	30.405.165.602	160.420.840.512
- Tăng vốn trong năm trước	52.500.000.000	16.919.563.222	0	69.419.563.222
- Lãi trong năm trước (sau thuế)	0	0	72.664.911.583	72.664.911.583
- Tăng khác	0	0	0	0
- Trích lập các quỹ	0	0	24.354.276.171	24.354.276.171
- Lỗ trong năm trước	0	0	11.025.000.000	11.025.000.000
- Giảm khác (chi cổ tức)	0	63.100.000.000	0	63.100.000.000
Số dư cuối năm trước	105.000.000.000	31.335.238.132	67.690.801.014	204.026.039.146
Số dư đầu năm nay	105.000.000.000	31.335.238.132	67.690.801.014	204.026.039.146
- Tăng trong năm	5.000.000.000	45.785.774.001	0	50.785.774.001
- Lãi trong năm	0	0	28.364.027.680	28.364.027.680
- Tăng khác	0	0	0	0
- Trích lập các quỹ	0	0	59.638.837.022	59.638.837.022
- Chi cổ tức	0	0	12.925.000.000	12.925.000.000
- Giảm khác	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	110.000.000.000	77.121.012.133	23.490.991.671	210.612.003.804

b- **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của nhà nước (Tcty Bến Thành):	26.243.000.000	26.243.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	83.757.000.000	78.757.000.000
Cộng	110.000.000.000	105.000.000.000

c- **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	105.000.000.000	52.500.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	5.000.000.000	0
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	110.000.000.000	52.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.925.000.000	7.875.000.000
+ <i>Chi năm 2015</i>	0	5.250.000.000
+ <i>Chi năm 2016</i>	7.425.000.000	2.625.000.000
+ <i>Chi năm 2017</i>	5.500.000.000	0

<i>d- Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	10.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	10.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	10.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	10.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	10.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	<i>10.000 đ/cổ phiếu</i>	<i>10.000 đ/cổ phiếu</i>

<i>đ- Cổ tức</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức công bố cổ phiếu phổ thông		
<i>e- Các quỹ của doanh nghiệp</i>	77.121.012.133	31.335.238.132
- Quỹ đầu tư phát triển	77.121.012.133	31.335.238.132
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của DN : Các quỹ trên được sử dụng vào các mục đích theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của
f- của
các chuẩn mực kế toán cụ thể :

18- Nguồn kinh phí :

19- Các khoản mục ngoài bảng cân đối	Năm nay	Năm trước
- Nợ khó đòi đã xử lý	70.946.464	70.946.464

20- Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải thích:

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Kỳ này</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	
	<u>Quý III - 2017</u>	<u>Quý III- 2016</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	200.386.597.038	487.157.531.910	1.287.182.208.169	1.078.717.657.390
Trong đó :				
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>172.564.784.845</i>	<i>459.235.524.390</i>	<i>1.210.733.220.722</i>	<i>1.005.042.689.723</i>
* Xăng dầu, nhớt các loại	169.880.442.096	456.635.920.402	1.202.727.875.139	997.574.084.054
* Hàng ăn uống	793.726.364	781.165.451	2.420.470.003	2.169.352.727
* Điện, nước sinh hoạt	1.890.616.385	1.818.438.537	5.584.875.580	5.299.252.942
+ <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>0</i>	<i>5.169.494.093</i>	<i>1.185.753.364</i>	<i>7.279.182.639</i>
* Bán nền dự án Khu Dân cư	0	5.169.494.093	1.185.753.364	7.279.182.639
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>27.003.900.038</i>	<i>21.962.040.328</i>	<i>72.824.775.730</i>	<i>64.024.365.731</i>
* Cho thuê mặt bằng	1.819.306.551	1.744.315.551	5.591.279.464	5.399.579.411
* Dịch vụ hoạt động Chợ	25.184.593.487	20.217.724.777	67.233.496.266	58.624.786.320
+ <i>Doanh thu cho thuê BĐS đầu tư</i>	<i>817.912.155</i>	<i>790.473.099</i>	<i>2.438.458.353</i>	<i>2.371.419.297</i>
* Chợ Rau	400.523.100	400.523.100	1.201.569.300	1.201.569.300
* Chợ thịt	417.389.055	389.949.999	1.236.889.053	1.169.849.997
2- Các khoản giảm trừ doanh thu (MS 02)	1.405.594	1.951.048	4.237.761	6.020.978
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.405.594	1.951.048	4.237.761	6.020.978
3- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)				
- <i>Giá vốn của hàng hóa đã bán</i>	<i>170.014.732.569</i>	<i>450.313.057.235</i>	<i>1.202.529.710.561</i>	<i>997.525.941.102</i>
+ Xăng dầu, nhớt các loại	160.181.799.976	440.700.997.133	1.174.092.662.415	969.814.715.195
+ Hàng ăn uống	403.681.366	337.626.457	1.104.377.986	907.224.871
+ Hoạt động chợ	9.429.251.227	9.274.433.645	27.332.670.160	26.804.001.036
- <i>Giá vốn bán nền</i>	<i>0</i>	<i>904.593.600</i>	<i>173.077.488</i>	<i>1.261.592.064</i>
- <i>Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư</i>	<i>367.006.461</i>	<i>368.959.503</i>	<i>1.104.925.467</i>	<i>1.106.878.509</i>
- <i>Hao hụt mất mát hàng tồn kho</i>	<i>378.700.229</i>	<i>314.773.085</i>	<i>1.036.613.137</i>	<i>908.722.711</i>
Cộng	170.760.439.259	451.901.383.423	1.204.844.326.653	1.000.803.134.386
4- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý III - 2017	Quý III- 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.388.077.908	2.362.998.376	7.511.117.616	6.108.346.383
- Lãi bán chứng khoán kinh doanh	473.976.884	52.484.401	1.112.476.387	314.068.481
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.686.000	0	136.686.000	11.460.000
- Tặng vốn đầu tư của công ty con	0	10.600.000.000	0	10.600.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.584.866	0	6.584.866	0
Cộng	2.925.325.658	13.015.482.777	8.766.864.869	17.033.874.864

5- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm	
	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Lãi vay	779.527.033	0	1.404.984.330	2.280.000
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	246.455.000	0	593.811.600	0
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK	(151.998.600)	0	(511.186.400)	0
- Lỗ kinh doanh chứng khoán	0	10.700	31.352.500	10.700
- Chi phí bán chứng khoán kinh doanh	3.848.988	194.185	10.919.064	1.303.711
Cộng	877.832.421	204.885	1.529.881.094	3.594.411
6- Thu nhập khác (Mã số 31)	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	0	600.000.000	720.000.000	2.990.000.000
- Thanh lý tài sản, công cụ, bán phế liệu	1.818.182	122.727.273	3.727.273	240.909.091
- Chi phí hồ sơ chuyển nhượng sạp	10.439.736	2.173.966	58.202.603	32.812.486
- Hoàn nhập dự phòng phải trả	0	35.205.997.880	0	35.205.997.880
- Các khoản thu khác	364.504	1.583.552.503	943.674	1.584.810.128
Cộng	12.622.422	37.514.451.622	782.873.550	40.054.529.585
7- Chi phí khác (Mã số 32)	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Các khoản tiền phạt	0	0	2.500.000	216.020.539
- Tiền thuê đất chợ ĐM NSTP	0	11.086.219.803	0	11.086.219.803
- Chi phí thanh lý tài sản	0	47.500.000	0	47.500.000
Cộng	0	11.133.719.803	2.500.000	11.349.740.342
8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp :				
8.1 Chi phí bán hàng (mã số 25)	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân công	7.823.492.100	6.240.950.286	20.973.232.136	18.540.634.755
- Chi phí vật liệu	101.485.716	97.158.244	299.266.925	295.530.752
- Chi phí công cụ, dụng cụ	106.535.225	143.797.495	261.924.888	347.208.845
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.276.888	537.519.215	1.594.723.776	1.594.171.975
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.657.327.274	1.411.829.037	4.601.244.305	4.069.231.974
- Chi phí khác bằng tiền	217.582.845	113.081.514	499.378.353	359.718.736
Cộng	10.412.700.048	8.544.335.791	28.229.770.383	25.206.497.037
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp (MS 26)	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân công	7.735.146.700	6.325.882.367	15.268.893.348	14.874.301.766
- Chi phí vật liệu quản lý	63.290.682	25.433.544	139.921.092	123.169.024
- Chi phí công cụ, dụng cụ	101.142.475	23.014.000	184.770.793	112.095.781
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.430.345	93.388.677	293.188.505	278.847.361
- Thuế, phí và lệ phí	1.333.968.759	3.104.936.708	3.992.968.402	4.182.435.092
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.133.669.386	652.345.705	2.965.416.428	1.271.361.951
- Chi phí khác bằng tiền	1.185.639.996	925.457.689	2.971.167.968	2.449.520.330
<i>Trong đó : Thù lao của HĐQT & Thư ký</i>	<i>189.000.000</i>	<i>189.000.000</i>	<i>378.000.000</i>	<i>378.000.000</i>
<i>Thù lao của Ban Kiểm Soát</i>	<i>66.000.000</i>	<i>66.000.000</i>	<i>132.000.000</i>	<i>132.000.000</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>930.639.996</i>	<i>670.457.689</i>	<i>2.461.167.968</i>	<i>1.939.520.330</i>
Cộng	11.651.288.343	11.150.458.690	25.816.326.536	23.291.731.305

09- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	<u>Kỳ này</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	
	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	372.454.098	289.403.283	885.883.698	878.004.402
- Chi phí nhân công	15.558.638.800	12.566.832.653	36.242.125.484	33.414.936.521
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	971.713.694	999.867.395	2.992.837.748	2.979.897.845
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.805.071.214	2.078.222.421	7.609.913.255	5.384.147.172
- Chi phí khác bằng tiền	3.087.646.145	4.143.475.911	8.514.878.358	6.991.674.158
Cộng	22.795.523.951	20.077.801.663	56.245.638.543	49.648.660.098

10- Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)	<u>Kỳ này</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.395.342.888	48.751.131.292	35.677.588.609	74.705.717.657
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	287.850.565	(9.615.826.715)	890.216.052	(10.491.230.083)
- Các khoản điều chỉnh tăng	344.536.565	779.891.908	1.026.902.052	1.740.604.144
- Các khoản điều chỉnh giảm	(56.686.000)	(10.395.718.623)	(136.686.000)	(12.231.834.227)
Thu nhập chịu thuế	9.683.193.453	39.135.304.577	36.567.804.661	64.214.487.574
Thuế TNDN phát sinh từ SXKD (20%)	1.936.638.687	2.898.221.215	7.313.560.929	7.914.057.801
Thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS năm trước (22%)	0	5.421.723.674	0	5.421.723.674
Thuế TNDN các năm trước bị truy thu	0	0	0	172.275.832
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(45.107.313)	(40.859.096)	(125.463.110)	(79.441.940)
Tổng số thuế TNDN phải nộp	1.891.531.374	8.279.085.793	7.188.097.819	13.428.615.367

11- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>Kỳ này</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế :	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
- lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế :	45.107.313	40.859.096	125.463.110	79.441.940
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại :	45.107.313	40.859.096	125.463.110	79.441.940

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Kỳ này</u>		<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	
	Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
1- Thu tiền từ đi vay	253.712.798.121	0	633.880.941.981	3.000.000.000
2- Trả tiền nợ gốc vay	241.001.766.868	0	557.411.665.205	3.000.000.000

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

1- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

2- Thông tin các bên liên quan :

STT	Bên Liên Quan	Mối quan hệ
01	Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn	Công ty con, vốn góp: tỷ lệ vốn góp 100%
02	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	Công ty liên kết, vốn góp: tỷ lệ vốn góp 35,00%
03	Ông Tô Văn Liêm	Vừa là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn vừa làm Giám đốc bên Công ty Cổ Phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn (Công ty liên kết).
04	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Vừa là Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn vừa làm Giám đốc bên Công ty TNHH QL và KD Chợ Đầu mối NSTP Hóc Môn (Công ty con).

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ với Công ty con	Quý III -2017	Quý III -2016	Lũy kế từ đầu năm 2017	Lũy kế từ đầu năm 2016
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty con	4.862.267.491	3.421.799.295	12.624.616.827	10.182.872.150
- Đã thu lợi nhuận từ Công ty con	2.175.453.238	3.449.554.042	5.267.810.072	9.872.458.663
- Cản trừ nợ phải trả với Lợi nhuận Cty con phải nộp về Công ty mẹ	1.500.000.000	0	5.895.792.935	0
- Phải thu tiền cho thuê ô vựa thu hộ	1.902.395.940	1.730.044.740	5.535.252.520	5.431.057.320
- Đã thu tiền cho thuê ô vựa thu hộ	1.630.463.808	1.844.229.934	5.623.910.542	5.638.637.961
- Phải thu tiền lãi trả chậm chợ thịt	6.584.866	0	6.586.866	0
- Đã thu tiền Công ty chợ chuyển	0	0	0	11.000.000.000
- Đã trả tiền Công ty chợ	0	6.306.173.976	0	6.306.173.976
- Doanh thu	367.808.917	15.727.679	1.101.743.975	49.373.247
- Giá vốn	3.279.818	1.680.000	7.127.818	5.820.000
- Chi phí	364.529.099	14.047.679	1.094.616.157	43.553.247

Số dư cuối kỳ với Công ty con	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 30/09/2016
- Lợi nhuận còn phải thu Công ty con	4.356.806.755	3.001.215.615
- Phải thu tiền cho thuê ô vựa còn phải thu hộ	1.780.702.259	940.424.894
- Phải thu tiền lãi trả chậm chợ thịt	6.584.866	0
- Phải trả tiền Công ty Chợ	4.143.543.641	4.693.826.024

3- Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh từng bộ phận (Quý III-2017)

CHỈ TIÊU	Thương mại	Dịch vụ	Bất động sản	Hoạt động KD quản lý Chợ	Tổng cộng
Kỳ này	1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.880.442.096	3.429.539.476	0	27.075.209.872	200.385.191.444
Giá vốn hàng bán	160.560.500.205	770.687.827	0	9.429.251.227	170.760.439.259
Lãi gộp	9.319.941.891	2.658.851.649	0	17.645.958.645	29.624.752.185
Kỳ trước	1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	456.635.920.402	3.314.003.053	5.169.494.093	22.036.163.314	487.155.580.862
Giá vốn hàng bán	447.015.770.218	706.585.960	904.593.600	9.274.433.645	457.901.383.423
Lãi gộp	9.620.150.184	2.607.417.093	4.264.900.493	12.761.729.669	29.254.197.439

4- Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh từng bộ phận (9 tháng đầu năm 2017)

CHỈ TIÊU	Thương mại	Dịch vụ	Bất động sản	Hoạt động KD quản lý Chợ	Tổng cộng
Kỳ này	1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.202.727.875.139	10.445.970.059	1.185.753.364	72.818.371.846	1.287.177.970.408
Giá vốn hàng bán	1.175.129.275.552	2.209.303.453	173.077.488	27.332.670.160	1.204.844.326.653
Lãi gộp	27.598.599.587	8.236.666.606	1.012.675.876	45.485.701.686	82.333.643.755
Kỳ trước	1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	997.574.084.054	9.934.330.457	7.279.182.639	63.924.039.262	1.078.711.636.412
Giá vốn hàng bán	970.723.437.906	2.014.103.380	1.261.592.064	26.804.001.036	1.000.803.134.386
Lãi gộp	26.850.646.148	7.920.227.077	6.017.590.575	37.120.038.226	77.908.502.026

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất của các niên độ kế toán trước)

Lợi nhuận sau thuế Quý III năm 2017 của Công ty là **7.458.704.201 đồng, giảm 81,55%** so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do:

- Cùng kỳ năm trước, quý III năm 2016 Công ty có phát sinh các khoản lợi nhuận:
 - + Lợi nhuận từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dự án Khu Dân cư Tân Xuân;
 - + Lợi nhuận khác từ các khoản thu nhập bất thường bao gồm: hoàn nhập dự phòng tiền sử dụng đất của Trung Tâm Thương mại và Chung cư cao tầng Hóc Môn; thu tiền phạt vi phạm hợp đồng của các đối tác.
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm so với cùng kỳ năm trước, do quý III năm 2016 ghi nhận thu nhập từ thu hồi Quỹ Đầu tư phát triển và tăng vốn đầu tư của Công ty mẹ tại Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn.

6- Những thông tin khác

- Ngày 17 tháng 03 năm 2017 Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tăng vốn điều lệ từ 105 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng, nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu Esop.

- Ngày 02 tháng 06 năm 2017 Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đã nhận được Quyết định số 2815/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 31/5/2017 về chấp thuận đầu tư dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn do Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn làm chủ đầu tư.

- Ngày 14 tháng 06 năm 2017 Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh cho Cửa hàng Xăng dầu Tân Hiệp 2, tại 11/6A Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Lập ngày 27 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

KT. Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU VÂN

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

NGUYỄN NGỌC THẢO

(Chữ ký được uỷ quyền)